TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST
Ngày 11-7-2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Nguyễn Thị Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Lợi

2. Bà Phạm Thị Ngọc Nga

- Thư ký phiên tòa: bà Tống Thị Huê - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Vân– Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: anh Đỗ Minh H sinh năm 1986; địa chỉ: xóm Đ, thôn H, xã A, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn*: chị Phùng Thị H1 sinh năm 1992; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm Đ, thôn H, xã A, huyện H, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: xóm 4, xã B, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Đỗ Minh H trình bày: Anh và chị Phùng Thị H1 sau 5 tháng tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, đăng ký kết hôn ngày

31 tháng 10 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn, không thể hòa hợp với nhau do bất đồng quan điểm. Vợ chồng anh nhiều lần xảy ra cãi nhau, chị H1 đã 3 lần bỏ nhà đi trong đó có 1 lần do anh tát chị H1 nên chị H1 bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Sau đó anh đã đi tìm chị H1 về, vợ chồng chung sống được một thời gian thì lại phát sinh mâu thuẫn. Nhiều lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, va chạm thì chị H1 lại viết đơn ly hôn, bỏ mặc con cái cho anh chăm sóc. Đến tháng 9/2021 vợ chồng xảy ra cãi nhau, chị H1 bỏ đi ở trọ anh không biết ở chỗ nào, anh có xuống nhà bà ngoại và điện cho chị H1 đón chị H1 về nhưng chị H1 không về. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay, thời gian này anh không biết chị H1 ở đâu nên không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Phùng Thị H1.

Về con chung: anh và chị H1 có 2 con chung là cháu Đỗ Tuấn K sinh ngày 22/3/2016 và cháu Đỗ Minh Đ sinh ngày 28/9/2018, các cháu ở với anh từ khi vợ chồng sống ly thân. Anh và chị H1 đều có thu nhập ổn định, mức thu nhập của anh bình quân khoảng 9.000.000 đồng/1 tháng. Quá trình giải quyết vụ án, anh đề nghị Tòa án giao cháu K và cháu Đ cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng; anh yêu cầu chị H1có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 1.000.000 đồng/ 1 cháu kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Nhưng chị H1 cũng nguyện vọng nuôi con và để đảm bảo quyền lợi của con, anh đề nghị Tòa án giao cháu Đỗ Tuấn K cho chị H1 chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Đỗ Minh Đ cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị H1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con .

Về tài sản chung và công nợ chung: anh và chị Phùng Thị H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là chị Phùng Thị H1 trình bày: Chị và anh H sau 3 tháng tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình vào ngày 31 tháng 10 năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn là do anh H hay chửi bới, đánh đập chị thường xuyên không cần nguyên nhân hợp tình hợp lý. Lần thứ nhất là khi chị đang mang thai cháu Đỗ Minh Đ, anh H có túm tóc và đập đầu chị vào tường nhưng vì nghĩ đang mang thai nên chị cố gắng chịu đựng sống với anh ấy. Lần thứ hai là khi cả hai đang xây dựng ngôi nhà chung, anh H đánh chị mặt mũi sưng tấy, người bầm dập nhưng nghĩ đến hai con nên chị vẫn cố gắng ở cùng với anh. Lần thứ ba anh đánh đập, chửi bới chị để bảo vệ người yêu cũ và lần thứ tư chị đi làm về muộn, anh H gây chuyện đánh đập khiến chị phải nằm viện. Sau đó chị về nhà mẹ đẻ nửa tháng vì

được nghỉ do Kim Sơn có dịch Covid. Anh H có xuống nhà xin lỗi và viết giấy cam kết nên chị đồng ý quay về nhưng được vài hôm anh ấy lại chứng nào tật ấy, vẫn chứi bới đánh đập chị. Anh H còn đưa bố mẹ anh ấy lên nhà chị để đuổi chị ra khỏi nhà. Vì không thể chịu đựng được nên chị buộc phải rời nhà đi ra thuê phòng trọ ở từ tháng 9 năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Hiện tại chị và anh H không còn tình cảm và không sống chung với nhau được. Chị không đồng ý ly hôn vì anh chị chưa thống nhất được vấn đề tài sản chung.

Về con chung: Chị và anh Đỗ Minh H có hai con chung là cháu Đỗ Tuấn K sinh ngày 22/3/2016 và cháu Đỗ Minh Đ sinh ngày 28/9/2018. Về con chung nếu tòa giải quyết ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi cháu Đỗ Tuấn K sinh ngày 22/3/2016, giao cho anh H trực tiếp nuôi cháu Đỗ Minh Đ sinh ngày 28/8/2018 và hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: việc anh Htrình bày anh chị đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung là không đúng. Trước phiên họp này chị đã nộp cho Tòa án đơn yêu cầu phản tố (yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng) đề ngày 01/6/2022 về việc chị đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng là 01 ngôi nhà mái bằng diện tích 85m^2 có giá trị 400.000.000 đồng trên diện tích đất 120m^2 thuộc quyền sử dụng của bố mẹ chồng chị là ông Đỗ Văn B sinh năm 1947 và bà Tạ Thị C sinh năm 1952; địa chỉ: xóm 7, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chị đề nghị Tòa án giao cho anh H quyền sở hữa ngôi nhà trên và anh H có trách nhiệm thanh toán cho chị số tiền chênh lệch tài sản là 200.000.000 đồng; chị và anh H không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trước đây ngày 15/3/2022 chị đã nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng; Tòa án đã Thông báo cho chị nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản, nhưng do điều kiện lúc đó chị không có tiền nộp án phí nên chị không nộp theo Thông báo của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử

Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Minh H. Cho anh Đỗ Minh H được ly hôn với chị Phùng Thị H1.

- Về con chung: giao cháu Đỗ Minh Đ sinh ngày 28 tháng 9 năm 2018 cho anh Đỗ Minh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Đỗ Tuấn K sinh ngày 22/3/2016 cho chị Phùng Thị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành, tự lập được cuộc sống. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh Đỗ Minh H phải nộp 300.000 đồng, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Ninh Bình (biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000748 ngày 16 tháng 12 năm 2021).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Đỗ Minh H có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp chấp về nuôi con khi ly hôn với chị Phùng Thị H1 có nơi làm việc và cư trú tại phường S, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án giải quyết chị H1 có thay đổi nơi cư trú là xóm 4, xã B, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình tiếp tục giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: bị đơn là chị Phùng Thị H1 vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa anh Đỗ Minh H và chị Phùng Thị H1 là hợp pháp. Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cách cư xử trong cuộc sống và không tôn trọng nhau nên xảy ra va chạm, mâu thuẫn. Anh Hvà chị H1 đều trình bày quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay. Chị H1 xác định anh chị không chung sống với nhau được nhưng chị không

nhất trí ly hôn với anh Hdo anh chị chưa thống nhất được vấn đề tài sản chung. Điều này chứng tỏ tình trạng vợ chồng giữa anh Hvà chị H1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho hai bên. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: anh H và chị H1thống nhất vợ chồng có 2 con chung là cháu Đỗ Tuấn K sinh ngày 22/3/2016 và cháu Đỗ Minh Đ sinh ngày 28/9/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án , anh Hđề nghị Tòa án giao cho anh nuôi 2 con chung là cháu Kvà cháu Đức; chị H1 đề nghị Tòa án giao cháu K cho chị nuôi dưỡng và giao cháu Đ cho anh H nuôi dưỡng. Tại phiên tòa anh H đề nghị Tòa án giao cho chị H1trực tiếp nuôi cháu K, giao cho anh trực tiếp nuôi cháu Đ. Xét thấy yêu cầu nuôi con của anh Hvà chị H1 là chính đáng và hai bên đều có đủ điều kiện nuôi con. Do đó để đảm bảo quyền lợi của các cháu, giao cho chị H1 trực tiếp nuôi cháu Đỗ Tuấn K sinh ngày 22 tháng 3 năm 2016 và giao cho anh H trực tiếp nuôi cháu Đỗ Minh Đ sinh ngày 28 tháng 9 năm 2018 là phù hợp với khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: việc anh Hvà chị H1 mỗi người nuôi một con và không có yêu cầu cấp dưỡng cho con là tự nguyện và không ảnh hưởng đến quyền lợi của con. Do đó hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về tài sản chung và công nợ chung: Tại đơn khởi kiện ngày 25/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, anh H xác định vợ chồng anh tự thỏa thuận về có tài sản chung và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H1 xác định tài sản chung của vợ chồng là 01 ngôi nhà mái bằng diện tích 85m^2 có giá trị 400.000.000 đồng trên diện tích đất 120m^2 thuộc quyền sử dụng của bố mẹ chồng chị là ông Đỗ Văn B sinh năm 1947 và bà Tạ Thị C sinh năm 1952; địa chỉ: xóm 7, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; chị và anh H không có công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 15/3/2022 chị đã nộp đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng; Tòa án đã thông báo cho chị nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản, nhưng chị không nộp tiền nộp án phí trong thời hạn nên Tòa án đã ra thông báo trả lại đơn yêu cầu chia tài sản cho chị H1. Ngày 01/6/2022 chị H1 đã nộp đơn yêu cầu phản tố (yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng). Tòa án đang tiến hành xem xét đơn phản tố của chị H1 thì ngày 3/6/2022 chị H1 có đơn rút đơn yêu cầu phản tố (chia tài sản chung của vợ chồng) để anh chị có thời gian tự thỏa thuận phân chia tài sản chung; ngày 3/6/2022 Tòa án đã ra thông báo trả lại

đơn yêu cầu phản tố cho chị H1. Anh H, chị H1 tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản.

[4] Về án phí: căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án , anh Đỗ Minh H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Minh H và chị Phùng Thị H1 được ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa anh Đỗ Minh H và chị Phùng Thị H1 chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Phùng Thị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Tuấn K sinh ngày 22 tháng 3 năm 2016.

- Giao cho anh Đỗ Minh H trực tiếp trông nom, chăm sóc , nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Minh Đ sinh ngày 28 tháng 9 năm 2018.

Anh Đỗ Minh H và chị Phùng Thị H1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: anh Đỗ Minh H phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000748 ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

4/ Quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/7/2022); bị đơn vắng mặt có quyền kháng

cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự
-TAND tỉnh Ninh Bình;
-VKSND thành phố Ninh Bình;
- Chi cục THADS thành phố Ninh Bình;
- UBND xã Kim Định, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI DỒNG XET XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Phương